

Bản án số: 10/2019/HS-ST.

Ngày 19/4/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm.
2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 05/4/2019 đối với bị cáo:

Đỗ Thị Mỹ H, sinh ngày 04/7/1992 tại xã QP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Thôn GCT, xã QP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đức H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; chồng tên là Lê Công T, sinh năm 1987; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Bà Lê Thị L, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn CS, xã QA, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn CS1, xã QA, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
2. Anh Lê Công T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn GCT, xã QP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
3. Anh Trần Đình L, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố TA, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
4. Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố LT, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
5. Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn DL, xã QH, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
6. Anh Lê Thanh P, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố LT, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
7. Chị Trần Thị Tố S, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố LT, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
8. Chị Phan Thị Hiền T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố TA, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/4/2018, trong lúc trò chuyện thì bà Lê Thị L nghe bà Nguyễn Thị H giới thiệu con gái mình là bị cáo H có bán bảo hiểm cho Công ty bảo hiểm Hanwhalife chi nhánh Quế Sơn. Do có nhu cầu mua bảo hiểm nên bà L nhờ bà H gọi điện thoại cho bị cáo để được tư vấn nhưng không được. Sau đó, bà L gọi điện thoại cho anh Lê Công T (là chồng của bị cáo) nhờ nói với bị cáo đến tư vấn mua bảo hiểm. Vào tối ngày 24/4/2018, bị cáo đến nhà bà L trực tiếp tư vấn bảo hiểm. Sau khi được tư vấn, bà L đồng ý mua gói bảo hiểm 12.500.000 đồng/01 năm, năm đầu tiên đóng đủ tiền, các năm sau có thể đóng tiền theo quý hoặc tháng. Sau đó, bị cáo ghi thông tin cá nhân của bà L để làm hợp đồng nhưng do bà L chưa có tiền nên không thực hiện được. Đến tối ngày 28/4/2018, khi đã chuẩn bị đủ tiền, bà L gọi điện thoại cho bị cáo đến nhà bà để nhận tiền lập thủ tục hợp đồng bảo hiểm và yêu cầu bị cáo phải có biên lai thu tiền. Bị cáo nhờ anh T chở đến nhà bà L. Tại đây, bị cáo dùng biên lai của UBND xã Quế An phát hành để thu tiền của bà L nộp tiền ngân sách xã sửa chữa các thông tin trên biên lai thành biên lai thu tiền mua bảo hiểm, nhằm tạo niềm tin đối với bà L là đã có phiếu thu của công ty bảo hiểm. Vì vậy, bà L nhận biên lai và giao cho bị cáo số tiền 12.500.000 đồng, nhưng bị cáo chỉ nhận 11.500.000 đồng, trả lại cho bà L

1.000.000 đồng và nói là tiền quà của công ty cho khách hàng. Sau khi nhận tiền của bà L, bị cáo hẹn 20 ngày sau sẽ có hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, bị cáo không thực hiện hợp đồng bảo hiểm như đã thỏa thuận mà sử dụng số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân. Ngày 03/10/2018, bà L có đơn báo cáo sự việc trên cho Công an huyện Quế Sơn.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với hành vi của anh T đi cùng với bị cáo đến nhà bà L lấy số tiền là 11.500.000 đồng, quá trình điều tra đã xác định được anh T không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không có cơ sở để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả cho bà L số tiền là 11.500.000 đồng, bà L không yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSQS ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/4 đến 28/4/2018, do có nhu cầu mua bảo hiểm nên khi được bà H giới thiệu bị cáo H bán bảo hiểm thì bà L tin là sự thật và gọi điện thoại cho bị cáo để được tư vấn mua bảo hiểm. Mặc dù không phải là nhân viên hay cộng tác viên của Công ty bảo hiểm Hanwhalife nhưng đến ngày 28/4/2018, tại nhà bà L bị cáo đã nhận của bà L số tiền là 11.500.000 đồng để lập hợp đồng bảo hiểm và bị cáo giao cho bà L một biên lai thu tiền nhưng thực chất biên lai này là biên lai của UBND xã Quế An phát hành để thu tiền quỹ đền ơn đáp nghĩa của bà H và bị cáo đã sửa thông tin trên biên lai này với mục đích để bà L tin tưởng là có hóa đơn của công ty bảo hiểm. Sau khi nhận số tiền 11.500.000 đồng, bị cáo không thực hiện hợp đồng bảo hiểm như đã thỏa thuận mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo H đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bản cáo trạng số 13/CT-VKSQS ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được điều đó nhưng bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản với mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cha bị cáo là ông Đỗ Đức H tham gia cách mạng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định, nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Anh T không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý là đúng pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Mỹ Hương phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Mỹ H 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án (19/4/2019).

Giao bị cáo Đỗ Thị Mỹ H cho Ủy ban nhân dân xã QP, huyện Quế Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/4/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ